

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2024

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Phát triển nhanh giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển địa phương trong từng giai đoạn.
- Phát triển giáo dục nghề nghiệp để hình thành nguồn nhân lực trực tiếp có chất lượng, hiệu quả và kỹ năng nghề cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Phát triển giáo dục nghề nghiệp bám sát nhu cầu của thị trường lao động gắn kết với việc làm, an sinh xã hội và phát triển bền vững, bao trùm; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025**

Bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội địa phương; chất lượng đào tạo của một số nghề tiếp cận trình độ khu vực ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30% - 32%.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút từ 40 - 45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.
- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.

- Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 90% chương trình đào tạo nghề được xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp.

- Phần đầu trên địa bàn tỉnh có 02 trường đạt chất lượng cao; khoảng 20 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 01 - 02 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh trong các nước ASEAN-4.

#### b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề quốc gia; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế; trong đó một số nghề tiếp cận trình độ các nước trong khu vực ASEAN; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Mục tiêu đến năm 2030: Thu hút từ 50% - 55% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 50%.

- Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 40%.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

- Ít nhất 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.

- Phần đầu khoảng 100% chương trình đào tạo nghề được xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp”.

- Phân đầu trên địa bàn tỉnh có 03 trường đạt chất lượng cao; khoảng 20 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 01 - 03 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh trong các nước ASEAN-4.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao tại địa phương, bắt kịp trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số lĩnh vực, ngành, nghề đào tạo.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

Để đạt được các mục tiêu Kế hoạch, cần thực hiện đồng bộ 08 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó “Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo” và “Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp” là giải pháp đột phá. Cụ thể:

#### **1. Triển khai thực hiện đầy đủ thể chế và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp**

- Triển khai thực hiện hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia.

- Thực hiện cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề tại nơi làm việc.

- Đổi mới cơ chế, chính sách nhằm thu hút, tuyển dụng cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chú trọng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý về giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.

- Thực hiện cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh đối với nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm yếu tố bình đẳng giới; chính sách ưu đãi đối với nhà giáo giảng dạy trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng khó khăn. Thực hiện chính sách khuyến khích và cơ chế mở, linh hoạt để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhà khoa học, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có kỹ năng nghề cao và kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề.

- Tổ chức thực hiện các chính sách về thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm; ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, sức khỏe...; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù như người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, lao động nữ, lao động di cư, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, bộ đội xuất ngũ...; chính sách về bình đẳng giới trong giáo dục nghề nghiệp; chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên và người lao động qua đào tạo nghề nghiệp.

- Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự do, người lao động thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp do tác động của cách mạng công nghiệp, thiên tai, dịch bệnh... được tham gia học nghề.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên.

- Thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được công nhận là trường chất lượng cao; thực hiện chính sách đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo nghề cho các đối tượng đặc thù và lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù; chính sách về đào tạo nghề chất lượng cao.

- Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng miền, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Thực hiện đổi mới công tác thanh tra, kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

## **2. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp**

Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các văn bản có liên quan.

## **3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp**

### **a) Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề**

- Thực hiện chuẩn hóa nhà giáo, chú trọng kinh nghiệm thực tiễn và năng lực nghề nghiệp trong kỷ nguyên số, phương pháp dạy học hiện đại, kỹ năng mềm, kỹ năng số, thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, người dạy nghề.

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

### **b) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp**

- Chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, trình độ

ngoại ngữ. Phát triển nhanh và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm định, bảo đảm chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp.

- Định kỳ, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp, đặc biệt ở cấp địa phương. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

#### **4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động**

- Thực hiện cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, Nhà trường, Nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội.

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

- Thực hiện dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, đặc biệt các ngành nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ. Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động kết hợp với khảo sát nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

#### **5. Thực hiện ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp.

- Thực hiện hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm.

#### **6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp**

- Bố trí ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hằng năm. Ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong các dự án lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo. Ưu tiên đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng khó khăn, các nghề trọng điểm, nghề đào tạo đặc thù của tỉnh.

### **7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp**

- Nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hưởng ứng và triển khai đầy đủ, kịp thời các thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, ngày kỹ năng lao động Việt Nam, tuần lễ kỹ năng nghề... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức các Hội thi, hội giảng, kỳ thi lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp ở cấp tỉnh và tổ chức đoàn của tỉnh tham gia cấp toàn quốc, bao gồm: Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; Hội diễn văn nghệ học sinh sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hội thi Thiết bị đào tạo tự làm; Kỳ thi Kỹ năng nghề quốc gia... góp phần quảng bá hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **8. Chủ động và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp**

- Tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

- Tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn về giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hóa các hoạt động giao lưu văn hoá, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

3. Nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn ODA.

4. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

5. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ngành, cơ quan có liên quan cụ thể hóa thành Kế hoạch hàng năm; triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh.

### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan thực hiện cơ chế, chính sách phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện cơ chế liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo các văn bản hướng dẫn, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **3. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan thực hiện các chính sách để thu hút đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, huy động và cân đối nguồn lực, bố trí vốn đầu tư cho phát triển giáo dục nghề nghiệp.

- Chủ trì tham mưu bố trí vốn đầu tư phát triển thực hiện Kế hoạch đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

### **4. Sở Tài chính**

Trên cơ sở xây dựng dự toán nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị hàng năm; Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

### **5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong việc tuyên truyền, kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn”.

- Chủ trì triển khai tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn từ nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình.

## **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì hướng dẫn đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đối với giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

## **7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Ninh Bình, Cổng thông tin điện tử tỉnh và các cơ quan báo chí có liên quan**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề cho người lao động. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

## **8. Hội Khuyến học tỉnh**

Phối hợp triển khai mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch trong thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”.

## **9. Tỉnh đoàn**

Phối hợp triển khai mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp vào kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Ninh Bình giai đoạn 2021-2030.

Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

## **10. Liên đoàn Lao động tỉnh**

- Thực hiện tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức người lao động trong việc nâng cao kỹ năng nghề.

- Tăng cường phối hợp với người sử dụng lao động xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề cho người lao động và vận động người lao động tham gia học tập.

- Phối hợp với các ngành chức năng có liên quan nghiên cứu, tổ chức nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, học tập phù hợp nhằm khuyến khích và thu hút công nhân viên, người lao động có điều kiện tích cực tham gia học tập, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

## **11. Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Ninh Bình**

Tăng cường phổ biến các chính sách về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và đẩy mạnh công tác cho vay vốn theo quy định tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.



## 12. UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch 05 năm và hằng năm để triển khai thực hiện Kế hoạch này tại địa phương. Chủ động bố trí ngân sách, nhân lực, lồng ghép trong các chương trình, dự án, đề án có liên quan trên địa bàn (nếu có) để đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

- Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án, tiểu dự án trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đề nghị các đơn vị liên quan căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

### ***Nơi nhận:***

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
  - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, BLĐT BXH;
  - Thường trực Tỉnh ủy;
  - Thường trực HĐND tỉnh;
  - Lãnh đạo UBND tỉnh;
  - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
  - Đài PTTH, Báo Ninh Bình;
  - Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh;
  - Hội Khuyến học tỉnh;
  - Công TTĐT tỉnh;
  - UBND các huyện, thành phố;
  - Lưu: VT, VP6.
- PD\_VP6\_05.KHLĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Quang Thìn**